

Số: 170/2003/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2003

QUYẾT ĐỊNH

CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ SỐ 170/2003/QĐ-TTg NGÀY 14 THÁNG 8 NĂM 2003 VỀ "CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI HƯỞNG THỤ VĂN HÓA"

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Nhằm thực hiện Nghị quyết Trung ương lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa VIII về "Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc";

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành "Chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hoá" đối với một số đối tượng thuộc diện chính sách ưu đãi.

Điều 2. Các đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa gồm:

1. Nhân dân ở các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa được quy định trong Chương trình 135 của Chính phủ.

2. Người có công với cách mạng:

a) Cán bộ lão thành cách mạng; cán bộ "tiền khởi nghĩa".

b) Thân nhân liệt sĩ.

c) Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

d) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh.

đ) Các đối tượng được chăm sóc tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng thương, bệnh binh và người có công.

3. Người thuộc diện chính sách xã hội:

a) Người tàn tật, người già cô đơn.

b) Các đối tượng được chăm sóc tại cơ sở bảo trợ xã hội.

c) Học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú.

Điều 3. Những hoạt động văn hóa để thực hiện chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa bao gồm:

- Biểu diễn nghệ thuật, chiếu phim nhựa hoặc băng hình.

- Thư viện.

- Thông tin lưu động; triển lãm.

- Bảo tàng, di tích.

Điều 4. Các đối tượng được quy định tại Điều 2 được Nhà nước ưu đãi ở mức tối thiểu như sau:

1. Đối với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 của Quyết định này trong một năm được xem miễn phí:

a) Chiếu phim nhựa hoặc băng hình 04 lần và biểu diễn nghệ thuật 02 lần.

b) Đội thông tin lưu động biểu diễn 04 lần và triển lãm do tỉnh, thành phố tổ chức lưu động 02 lần.

2. Các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 của Quyết định:

a) Đối với các đối tượng nêu tại các điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 2 của quyết định, trong một năm:

- Được Sở Văn hoá - Thông tin (hoặc đơn vị được ủy nhiệm) mời xem phim nhựa hoặc băng hình, xem biểu diễn nghệ thuật 04 lần; tham quan bảo tàng, di tích, công trình văn hoá do cơ quan Nhà nước hoặc tổ chức xã hội thực hiện trên địa bàn 02 lần.

- Được giảm 50% giá vé hiện hành trong trường hợp tổ chức tập thể tham gia xem phim, biểu diễn nghệ thuật, tham quan bảo tàng, di tích do cơ quan Nhà nước và tổ chức xã hội thực hiện trên địa bàn.

b) Đối với các đối tượng quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 2 của quyết định thì được tổ chức xem phim nhựa hoặc băng hình, xem biểu diễn nghệ thuật 04; xem trưng bày chuyên đề lưu động của Bảo tàng do cơ quan Nhà nước hoặc tổ chức xã hội thực hiện trên địa bàn 02 lần.

3. Đối với các đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 2 của Quyết định này được Nhà nước ưu đãi trên cơ sở tự nguyện tham gia:

a) Người tàn tật, người già cô đơn được Sở Văn hoá - Thông tin (hoặc đơn vị được ủy nhiệm) mời xem phim nhựa hoặc băng hình, xem biểu diễn nghệ thuật 04 lần/năm.

Được giảm 50% giá vé hiện hành trong trường hợp tổ chức tập thể xem phim hoặc băng hình, xem biểu diễn nghệ thuật, tham quan bảo tàng, di tích do cơ quan Nhà nước hoặc tổ chức xã hội thực hiện trên địa bàn.

b) Đối với các đối tượng được chăm sóc tại các cơ sở bảo trợ xã hội và học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú được tổ chức xem phim nhựa hoặc băng hình, xem biểu diễn nghệ thuật 04 lần/năm; được tham quan bảo tàng di tích, công trình văn hóa, triển lãm hoặc triển lãm lưu động theo hình thức tập thể 02 lần/năm

4. Đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa đến hết năm 2005:

a) Đảm bảo thực hiện luân chuyển sách báo từ hệ thống thư viện cấp trên xuống hệ thống thư viện cấp xã, tủ sách cơ sở. Đảm bảo 35% số xã có thư viện cấp xã hoạt động từ ngân sách nhà nước và 65% số xã còn lại có tủ sách cơ sở hoặc điểm đọc sách báo.

b) Đối với các xã đặc biệt khó khăn đảm bảo cấp hàng năm 10 đầu sách pháp luật, 10 đầu sách phổ biến kiến thức phát triển khoa học công nghệ ở nông thôn và có ít nhất 10 loại báo, tạp chí.

Điều 5. Kinh phí để thực hiện chính sách này được cân đối từ nguồn kinh phí sự nghiệp văn hóa thông tin hàng năm và nguồn kinh phí của các Chương trình mục tiêu thực hiện tại địa phương được phân cấp chi theo quy định hiện hành.

Nhà nước khuyến khích, tạo mọi điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tài trợ kinh phí hay hiện vật và tham gia tổ chức các hoạt động văn hóa phù hợp với phong tục tập quán, tuổi tác, thể chất và tinh thần của các đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hoá.

Điều 6. Tổ chức thực hiện:

1. Bộ Văn hóa - Thông tin:

a) Chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương tổ chức thực hiện Quyết định, trong đó chú trọng đến sự tôn vinh, ưu đãi trong tổ chức thực hiện chính sách đối với các đối tượng được quy định tại khoản 2 Điều 2 của Quyết định này.

b) Phối hợp với các Bộ, ngành và các địa phương tiếp tục thực hiện Quyết định số 1637/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc cấp một số loại báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

c) Phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương lồng ghép thực hiện chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa trong các Chương trình mục tiêu có liên quan và các Chương trình kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Phối hợp với Bộ Quốc phòng tổ chức thực hiện chính sách này ở những địa bàn nơi lực lượng văn hóa không có điều kiện tổ chức thực hiện.

d) Phối hợp với các Bộ: Lao động - Thương binh và Xã hội, Quốc phòng, Ủy ban Dân tộc và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương kiểm tra tình hình thực hiện và có biện pháp giải quyết kịp thời những khó khăn vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện chính sách này; tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ hàng năm.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi chức năng nhiệm vụ của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Văn hóa - Thông tin trong việc tổ chức thực hiện Quyết định này

Điều 7. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Phan Văn Khải

(Đã ký)